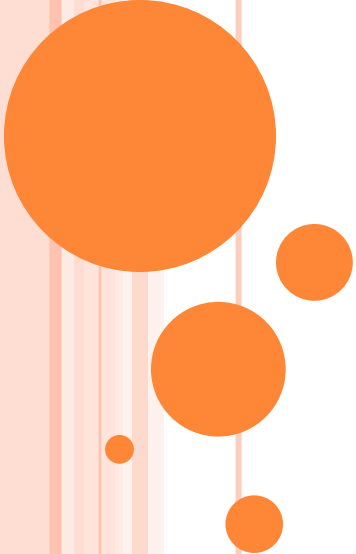




CÔNG TY HỢP DANH

SỰ RA ĐỜI

- Được xây dựng dựa trên mô hình hợp tác làm ăn (buôn bán theo phường, hội)
- Song song, có nhu cầu huy động vốn => vai trò của người góp vốn đơn thuần khác với vai trò của những thành viên hợp tác làm ăn

1. KHÁI NIỆM – ĐẶC ĐIỂM

○ Khái niệm:

- “... có ít nhất 2 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới 1 tên chung (thành viên hợp danh
- Thành viên hợp danh phải là cá nhân. Thành viên góp vốn có thể là cá nhân hoặc tổ chức
- Thành viên hợp danh chịu trách nhiệm vô hạn, thành viên góp vốn chịu trách nhiệm hữu hạn”

○ Đặc điểm:

- Là sự liên kết
- Có tài sản riêng

2. THÀNH VIÊN CÔNG TY

- Thành viên hợp danh
- Thành viên góp vốn



2. THÀNH VIÊN CÔNG TY

- Số lượng: từ 2 trở lên
- Chỉ có thể là cá nhân
- Trách nhiệm: vô hạn và liên đới (2 năm)
- Hạn chế: Không làm chủ DNTN hoặc CTHD khác, kd cùng ngành, chuyển phần vốn góp
- Tư cách: không chuyển giao trừ khi có sự đồng ý của HĐTV
- Có thể có hoặc không
- Có thể là cá nhân hoặc tổ chức
- Trách nhiệm: hữu hạn trong phần vốn góp
- Hạn chế: không có
- Tư cách: có thể chuyển giao tự do



3. QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ VỐN

- Nguồn: từ vốn góp của các thành viên, tài sản tạo lập, tài sản thu được từ công ty từ hoạt động nhân danh công ty
- Thế nào là tài sản có thể góp vốn?

4. QUẢN LÝ CÔNG TY HỢP DANH

- Quyền quản lý: chỉ thuộc về thành viên hợp danh
- Cơ quan quyết định: Hội đồng thành viên (chủ tịch, người có quyền triệu tập HĐTV là Tv hợp danh)
- Cơ chế: Bỏ phiếu đối với Tv hợp danh. Tv góp vốn chỉ tham gia ý kiến đối với nội dung liên quan trực tiếp đến bản thân (tổ chức lại, giải thể...)
- Tư cách đại diện: mọi Tv hợp danh đều có thể hoạt động nhân danh công ty. Không 1 Tv góp vốn nào được hoạt động nhân danh công ty. Vấn đề đại diện hạn chế

5. THỰC TẾ

- Có sự khác biệt trong cách quy định của các nước về công ty hợp danh
- Tại VN: số lượng ít (do tính vô hạn gây nhiều rủi ro)
- 1 số trường hợp điển hình: công ty luật, hành nghề y, giáo dục...